

“Tài liệu này là bản dịch của văn kiện pháp lý do HUD ban hành. HUD cung cấp bản dịch này với mục đích duy nhất là giúp quý vị dễ dàng hiểu rõ quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Bản tiếng Anh của tài liệu này là văn kiện chính thức, hợp pháp và để đối chiếu. Bản dịch không phải là tài liệu chính thức.”

Phụ Bản 7-2: **Mẫu Tài Liệu Tái Chứng Nhận Hàng Năm Thông Báo Nhắc Nhở Lần Thứ Nhất**

(Họ tên Người Thuê/ Tenant's Name)
(Địa chỉ/ Address)

(Thời điểm - ít nhất 120 ngày trước khi đến
kỳ hạn tái chứng nhận hàng năm/ Date, at least
120 days prior to the upcoming recertification
anniversary date)

Kính gửi _____,

Không bao lâu nữa là đến lúc tái chứng nhận hàng năm. Quý vị đã nhận bản thông báo về lần tái chứng nhận hàng năm sắp đến trong buổi phỏng vấn chưa đầy một năm trước.

Đoạn văn [15, 10, hoặc 9 - ghi rõ số tương ứng với đoạn văn nói về mẫu thuê mượn áp dụng cho người thuê/ 15, 10 or 9— indicate the paragraph number that corresponds to the paragraph of the model lease being used for the tenant] trong hợp đồng thuê mượn của quý vị cho biết rằng HUD (Department of Housing and Urban Development, hay Bộ Phát Triển Gia Cư và Đô Thị) đòi hỏi chúng tôi phải duyệt lại lợi tức và thành phần gia đình hàng năm để xem quý vị có còn hội đủ điều kiện được trợ giúp trả tiền thuê hay không.

Để giúp chúng tôi hoàn tất công việc duyệt lại lợi tức và thành phần gia đình, quý vị phải gặp mặt (Người Quản Lý Thường Trú, Lục Sự Cư Ngụ, v.v... / Resident Manager, Occupancy Clerk, etc.) tại (nơi phỏng vấn / place of interview) và cho biết thông tin đã đòi hỏi. (Người Quản Lý Thường Trú, Lục Sự Cư Ngụ, v.v... / Resident Manager, Occupancy Clerk, etc.) luôn luôn sẵn sàng cho lần phỏng vấn tái chứng nhận (vào ngày giờ có thể gặp mặt / dates and times available). Quý vị nên liên lạc với (Người Quản Lý Thường Trú, Lục Sự Cư Ngụ, v.v... / Resident Manager, Occupancy Clerk, etc.) (qua điện thoại, tại văn phòng / by phone, at the office) càng sớm càng tốt để hẹn ngày phỏng vấn.

Nếu quý vị muốn tiếp tục tham gia chương trình thì phải tuân hành đòi hỏi tái chứng nhận. **Quý vị phải khai trình thông tin đã đòi hỏi và ký các chữ ký cần thiết để chủ nhà tiếp tục tái chứng nhận.** Nếu quý vị trả lời thông báo này sau (ghi ngày thứ 10 của tháng thứ 11 sau lần tái chứng nhận hàng năm trước đó/ insert the 10th day of the 11th month after the last annual recertification), thì đoạn văn 15 trong hợp đồng thuê mượn của quý vị (nếu áp dụng / if applicable) cho chúng tôi quyền tăng thêm tiền thuê dựa trên kết quả tái chứng nhận mà không phải trao văn bản thông báo trước 30 ngày cho quý vị.

(LƯU Ý: Thêm câu sau đây vào cho người thuê thuộc mọi dự án, ngoại trừ dự án PRAC. / NOTE: For tenants of all projects, except PRAC projects, add the following sentence.) Nếu quý vị không hồi đáp trước (ghi ngày đến hạn tái chứng nhận / insert recertification anniversary date) thì đoạn văn [15 **hay** 14 / paragraph 15 ** or ** 14] trong hợp đồng thuê mượn của quý vị cho chúng tôi quyền chấm dứt trợ cấp và thu món tiền (**ghi dạng thuê nhà - là một trong các mục** tiền thuê theo giá thị trường, tiền thuê theo hợp đồng, hoặc 110% tiền thuê BMIR / **insert type of rent, either** market rent, contract rent or 110% BMIR rent) hiện dụng (ghi ngày đến hạn tái chứng nhận / insert the recertification anniversary date).

“Tài liệu này là bản dịch của văn kiện pháp lý do HUD ban hành. HUD cung cấp bản dịch này với mục đích duy nhất là giúp quý vị dễ dàng hiểu rõ quyền hạn và nghĩa vụ của mình. Bản tiếng Anh của tài liệu này là văn kiện chính thức, hợp pháp và để đối chiếu. Bản dịch không phải là tài liệu chính thức.”

(LƯU Ý: Thêm câu sau đây vào đối với người thuê thuộc dự án PRAC. / **NOTE:** For tenants in PRAC projects add the following sentence) Nếu quý vị không hồi đáp trước (ghi ngày đến hạn tái chứng nhận / insert the recertification anniversary date) thì sẽ bị chấm dứt không cho thuê mượn nữa.

Khi đến hạn phỏng vấn, quý vị phải mang theo những thông tin sau đây:
(Liệt kê mọi thông tin cần biết. / List all required information.)

Thân ái,

“Chỉ ký tên vào bản tiếng Anh của hợp đồng thuê mượn.”

(Nhân Viên Quản Lý, Người Quản Lý Thường Trú,
v.v... / Managin Agent, Resident Manager, etc.)